

PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN TÀI NGUYÊN RỪNG GIAI ĐOẠN 2010 - 2016 LÀM CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO DIỆN TÍCH VÀ CHẤT LƯỢNG RỪNG TỈNH QUẢNG BÌNH

Ninh Thị Hiền¹, Lê Nguyên Khang²

^{1,2}Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về đặc điểm diễn biến và nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng và các giải pháp để nâng cao diện tích và chất lượng rừng ở tỉnh Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong giai đoạn 2010 - 2016 diện tích rừng mất đi là 85.461,02 ha, diện tích rừng trồng mới và diện tích rừng tự nhiên phục hồi là hơn 58.000 ha. Vì vậy, tổng diện tích rừng của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016 giảm hơn 25.000 ha. Nghiên cứu cũng đã xác định được các nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng và đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao diện tích, chất lượng rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng được xác định bao gồm: chuyển rừng tự nhiên sang rừng trồng kinh tế (Keo, Cao su); xâm lấn đất rừng tự nhiên để sản xuất nông nghiệp với các loài cây trồng chính chủ yếu là Sắn, Ngô; chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang xây dựng hồ thủy lợi, giao thông; khai thác rừng (trái phép và theo kế hoạch của Nhà nước); cháy rừng; đốt nương làm rẫy; đô thị hóa và thiên tai. Các giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao diện tích và chất lượng rừng bao gồm: quản lý bảo vệ rừng; cải thiện sinh kế hộ gia đình, cá nhân; nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; phát triển rừng trồng kinh tế; thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

Từ khóa: Diễn biến tài nguyên rừng, mất rừng, suy thoái rừng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 806.527 ha, dân số năm 2016 có 872.925 người (Niên giám thống kê tỉnh Quảng Bình, 2017). Tổng diện tích rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp là: 647.794,61 ha; trong đó diện tích có rừng là 539.990,69 ha; diện tích chưa có rừng là 107.803,92 ha (Quyết định số 3723/QĐ-UBND ngày 21/11/2016). Diện tích rừng và đất lâm nghiệp phân bố trên phạm vi 134 xã, phường, thị trấn thuộc 8 huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Quảng Bình. Đây được xác định là nguồn tài nguyên quý giá cần được bảo vệ và phát triển nhất là trong bối cảnh rừng đang bị suy giảm như hiện nay.

Trước bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH), lâm nghiệp là một trong những ngành có vai trò lớn trong việc ngăn chặn và giảm thiểu những tác động tiêu cực của BĐKH. Vai trò của rừng đã được nghiên cứu và chứng minh rất rõ ràng trong các nghiên cứu và thực tế, chính vì vậy cần phải có những giải pháp để bảo vệ diện tích rừng hiện có và phát triển diện tích rừng đã bị suy giảm cho thế hệ tương lai. Việc theo dõi diễn biến rừng là cơ sở khoa học quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp

nhằm thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo mốc thời gian năm 2010 – 2016.
- Các nguyên nhân mất rừng, suy thoái rừng.
- Giải pháp quản lý bảo vệ rừng tỉnh Quảng Bình.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.
- Về thời gian: Diễn biến rừng tỉnh Quảng Bình được phân tích trong giai đoạn 2010 - 2016.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bao gồm: phương pháp xây dựng khung logic để xác định vấn đề cần giải quyết trong quá trình thu thập và xử lý số liệu nghiên cứu; phương pháp thu thập số liệu thông tin thứ cấp; phương pháp thu thập thông tin sơ cấp (phỏng vấn, thảo luận nhóm, khảo sát thực tế các khu rừng ngoài hiện trường, phương pháp chuyên gia).

Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn thu thập thông tin đối với các bên liên quan, bao gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm, UBND và Kiểm lâm các cấp, cán bộ Phòng NN&PTNT... các hộ gia

đình, các cá nhân, có liên quan ở các huyện có rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh để thu thập các thông tin về lịch sử thay đổi sử dụng đất, thay đổi độ che phủ rừng và các nguyên nhân làm tăng diện tích rừng và mất rừng ở mỗi địa phương.

Nghiên cứu đã sử dụng các loại bản đồ hiện trạng rừng ở các mốc thời gian khác nhau trong quá khứ (năm 2010 và 2016), bản đồ hiện trạng và quy hoạch của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan như: bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông... Trong đó bản đồ chính được sử dụng để phân tích diễn biến tài nguyên rừng là bản đồ hiện trạng rừng tỉnh Quảng Bình năm 2010 - 2016.

Diễn biến rừng ở Quảng Bình được phân tích trong giai đoạn 2010 - 2016. Do ở các thời kỳ khác nhau có sự khác nhau về phân loại rừng và đất lâm nghiệp, cụ thể từ năm 2010 trở về trước hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp được phân loại theo QPN6-84; từ năm 2010 đến nay hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp được phân loại theo Thông tư 34/2009/TT-BNN. Do vậy, để có thể chồng xếp các lớp bản đồ hiện trạng rừng ở các

thời kỳ khác nhau nhằm phân tích diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, chúng tôi tiến hành chuẩn hóa thang phân loại hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp. Trong bài báo này chúng tôi đã chuẩn hóa hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp ở hai thời điểm năm 2010 và 2016 về 17 mã trạng thái bao gồm: 1 - Rừng giàu, 2 - Rừng trung bình, 3 - Rừng nghèo, 4 - Phục hồi, 5 - Rừng khộp, 6 - Rừng tre nứa, 7 - Hỗn giao tre nứa, 8 - Rừng lá kim, 9 - Hỗn giao lá rộng và lá kim, 10 - Rừng ngập mặn, 11 - Rừng trên núi đá, 12 - Rừng trồng, 13 - Núi đá, 14 - Đất trống, 15 - Mặt nước, 16 - Dân cư và 17- Đất khác).

Sử dụng các công cụ ArcGIS 9.3 và MapInfo 10.0 để chồng xếp các lớp bản đồ nhằm xác định biến động tài nguyên rừng trong giai đoạn 2010 - 2016.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

3.1. Diễn biến tài nguyên rừng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016

Kết quả phân tích diễn biến tài nguyên rừng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016 được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Biến động diện tích các loại rừng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016

TT	Loại đất, loại rừng	Năm 2010 (ha)	Năm 2016 (ha)	Biến động (+ tăng; - giảm)
	Đất lâm nghiệp	657.855,00	634.583,18	-23.271,82
I	Đất có rừng	566.433,80	539.990,03	-26.443,77
1	Rừng giàu	33.887,30	22.014,84	-11.872,46
2	Rừng trung bình	152.909,10	218.055,56	+65.146,46
3	Rừng nghèo	76.600,10	183.760,60	+107.160,50
4	Phục hồi	73.617,60	55.214,24	-18.403,36
5	Rừng trên núi đá	146.879,40	1.166,17	-145.713,23
6	Rừng trồng	82.540,30	59.778,62	-22.761,68
II	Đất chưa có rừng QHLN	91.421,20	94.593,15	+3.171,95

Nguồn: Kết quả chồng xếp bản đồ hiện trạng rừng năm 2010 và 2016 tỉnh Quảng Bình

Giai đoạn này cơ cấu diện tích các loại rừng của tỉnh Quảng Bình có nhiều thay đổi. Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp giảm 23.271,82 ha; trong đó đất có rừng giảm 26.443,77 ha, đất chưa có rừng quy hoạch lâm nghiệp tăng 3.171,95 ha;

Biến động diện tích các trạng thái rừng giai

đoạn 2010 - 2016 cụ thể như sau: (1) Các trạng thái rừng có diện tích giảm là: rừng giàu giảm 11.872,46 ha; rừng phục hồi giảm 18.403,36 ha; Rừng trên núi đá giảm 145.713,23 ha và rừng trồng giảm 22.761,68 ha; (2) Các trạng thái rừng có diện tích tăng lên là: rừng trung bình tăng 65.146,46 ha và rừng nghèo tăng

107.160,50 ha. Diện tích rừng mất đi lớn hơn diện tích rừng tăng lên, nên nhìn chung diện tích đất có rừng của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016 có xu hướng giảm.

Tổng diện tích rừng bị mất do chuyển đổi sang một số loại hình sử dụng đất khác trong giai đoạn 2010 - 2016 là 85.461,02 ha. Tuy nhiên diện tích có rừng chỉ giảm hơn 25.000 ha do diện tích trồng rừng mới là 19.985,92 và

diện tích rừng tự nhiên phục hồi là 38.404 ha. Trong đó diện tích rừng bị mất ở tất cả các huyện nhưng tập trung nhiều ở các huyện Bố Trạch, Lệ Thủy và Quảng Ninh đặc biệt hai huyện Bố Trạch và Lệ Thủy diện tích rừng bị mất ở mỗi huyện lên đến hơn 20.000 ha. Chi tiết diện tích mất rừng, suy thoái rừng và tăng cường chất lượng rừng được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Diện tích mất rừng, suy thoái rừng và tăng cường chất lượng rừng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016

Huyện	Rừng không thay đổi	Rừng bị suy thoái	Mất rừng	Rừng tăng cường chất lượng	Trồng rừng mới	Rừng tự nhiên phục hồi
TP. Đồng Hới	2.382,88	858,29	2.400,53	794,95	335,89	459,28
H. Minh Hóa	65.107,71	19.624,20	8.989,78	10.266,78	2.090,90	12.228,46
H. Tuyên Hóa	39.802,94	23.661,40	6.918,82	15.039,01	3.415,08	5.645,24
H. Quảng Trạch	5.969,40	3.659,82	6.247,51	2.801,41	2.253,18	675,47
H. Bố Trạch	111.198,39	20.281,88	23.574,65	7.651,83	4.220,27	7.759,64
H. Quảng Ninh	25.527,47	27.786,41	14.705,16	21.108,17	1.416,23	8.812,90
H. Lệ Thủy	39.615,57	10.119,56	21.524,48	24.685,38	5.152,77	2.363,53
TX. Ba Đồn	1.669,38	408,06	1.098,67	948,05	1.101,60	459,48
Tổng	291.273,74	106.399,62	85.461,02	83.295,58	19.985,92	38.404,00

Đơn vị: ha

Nguồn: Kết quả phỏng vấn và khảo sát thực địa hiện trạng rừng năm 2016 và năm 2010

a) Mất rừng

Mất rừng là khi diện tích rừng bị chặt trắng hoặc bị chuyển đổi sang mục đích sử dụng

khác lâu dài. Diện tích và khu vực mất rừng của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2010 - 2016 được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Diện tích rừng bị mất trong giai đoạn 2010 - 2016

Huyện	Diện tích (ha)	Khu vực rừng bị mất
TP. Đồng Hới	2.400,53	P. Đồng Phú, P. Đồng Sơn, P. Bắc Lý, P. Bắc Nghĩa, P. Hải Thành, Xã Bảo Ninh, Xã Lộc Ninh, Xã Nghĩa Ninh, Xã Quang Phú, Xã Thuận Đức
H. Minh Hóa	8.989,78	TT. Quy Đạt, Xã Dân Hóa, Xã Hóa Hợp, Xã Hóa Phúc, Xã Hóa Sơn, Xã Hóa Thanh, Xã Hóa Tiến, Xã Hồng Hóa, Xã Minh Hóa, Xã Quy Hóa, Xã Tân Hóa, Xã Thượng Hóa, Xã Trọng Hóa, Xã Trung Hóa, Xã Xuân Hóa, Xã Yên Hóa
H. Tuyên Hóa	6.918,82	TT. Đồng Lê, Xã Đồng Hóa, Xã Đức Hóa, Xã Cao Quảng, Xã Châu Hóa, Xã Hương Hóa, Xã Kim Hóa, Xã Lâm Hóa, Xã Lê Hóa, Xã Mai Hóa, Xã Nam Hóa, Xã Ngự Hóa, Xã Phong Hóa, Xã Sơn Hóa, Xã Thạch Hóa, Xã Thanh Hóa, Xã Thanh Thạch, Xã Thuận Hóa, Xã Tiến Hóa, Xã Văn Hóa
H. Quảng Trạch	6.247,51	Xã Cảnh Hóa, Xã Quảng Đông, Xã Quảng Châu, Xã Quảng Hợp, Xã Quảng Kim, Xã Quảng Liên, Xã Quảng Lưu, Xã Quảng Phương, Xã Quảng Phú, Xã Quảng Thạch, Xã Quảng Tùng, Xã Quảng Tiến, Xã Quảng Trường

Huyện	Diện tích (ha)	Khu vực rừng bị mất
H. Bồ Trạch	23.574,65	TT. Hoàn Lão, TT. NT Việt Trung, Xã Đại Trạch, Xã Đông Trạch, Xã Đức Trạch, Xã Bắc Trạch, Xã Cự Năm, Xã Hải Trạch, Xã Hạ Trạch, Xã Hưng Trạch, Xã Hoàn Trạch, Xã Hòa Trạch, Xã Lâm Trạch, Xã Liên Trạch, Xã Lý Trạch, Xã Mỹ Trạch, Xã Nam Trạch, Xã Nhân Trạch, Xã Phú Định, Xã Phú Trạch, Xã Phúc Trạch, Xã Sơn Lộc, Xã Sơn Trạch, Xã Tân Trạch, Xã Tây Trạch, Xã Thanh Trạch, Xã Thượng Trạch, Xã Trung Trạch, Xã Vạn Trạch, Xã Xuân Trạch
H. Quảng Ninh	14.705,16	Xã An Ninh, Xã Gia Ninh, Xã Hàm Ninh, Xã Hải Ninh, Xã Hiền Ninh, Xã Trường Sơn, Xã Trường Xuân, Xã Vạn Ninh, Xã Võ Ninh, Xã Vĩnh Ninh, Xã Xuân Ninh
H. Lệ Thủy	21.524,48	Xã Cam Thủy, Xã Dương Thủy, Xã Hồng Thủy, Xã Hưng Thủy, Xã Hoa Thủy, Xã Kim Thủy, Xã Lâm Thủy, Xã Mai Thủy, Xã Mỹ Thủy, Xã Ngư Thủy Bắc, Xã Ngư Thủy Nam, Xã Ngư Thủy Trung, Xã Ngân Thủy, Xã Phú Thủy, Xã Sơn Thủy, Xã Sen Thủy, Xã Tân Thủy, Xã Thái Thủy, Xã Thanh Thủy, Xã Trường Thủy, Xã Văn Thủy
TX. Ba Đồn	1.098,67	P. Quảng Long, P. Quảng Phúc, P. Quảng Thọ, Xã Quảng Minh, Xã Quảng Sơn, Xã Quảng Thủy, Xã Quảng Tiên, Xã Quảng Trung
Tổng	85.461,02	

Nguồn: Kết quả công xếp bản đồ hiện trạng rừng năm 2010 và năm 2016

Trong giai đoạn 2010 – 2016, diện tích rừng của Quảng Bình bị mất là 85.461,02 ha và phân bố ở tất cả các xã có rừng. Huyện Bồ Trạch và huyện Lệ Thủy là hai huyện có diện tích rừng bị mất lớn nhất. Diện tích rừng trồng mới và phục hồi nhỏ hơn diện tích rừng bị mất.

Như vậy, trong 7 năm qua, diện tích rừng tự nhiên của Quảng Bình mất đi nhiều hơn diện tích rừng tăng lên, nên nhìn chung diện tích rừng của Tỉnh có xu hướng giảm (giảm 26.443,77 ha).

b. Suy thoái rừng

Bảng 4. Diện tích rừng bị suy thoái trong giai đoạn 2010 - 2016

Huyện	Diện tích (ha)	Khu vực rừng bị suy thoái
TP. Đồng Hới	858,29	P. Đồng Sơn, Xã Nghĩa Ninh, Xã Thuận Đức
H. Minh Hóa	19.624,20	TT. Quy Đạt, Xã Dân Hóa, Xã Hóa Hợp, Xã Hóa Phúc, Xã Hóa Sơn, Xã Hóa Thanh, Xã Hóa Tiến, Xã Hồng Hóa, Xã Minh Hóa, Xã Quy Hóa, Xã Tân Hóa, Xã Thượng Hóa, Xã Trọng Hóa, Xã Trung Hóa, Xã Xuân Hóa, Xã Yên Hóa
H. Tuyên Hóa	23.661,40	TT. Đồng Lê, Xã Đồng Hóa, Xã Đức Hóa, Xã Cao Quảng, Xã Châu Hóa, Xã Hương Hóa, Xã Kim Hóa, Xã Lâm Hóa, Xã Lê Hóa, Xã Mai Hóa, Xã Nam Hóa, Xã Ngư Hóa, Xã Phong Hóa, Xã Sơn Hóa, Xã Thạch Hóa, Xã Thanh Hóa, Xã Thanh Thạch, Xã Thuận Hóa, Xã Tiên Hóa, Xã Văn Hóa
H. Quảng Trạch	3.659,82	Xã Cảnh Hóa, Xã Quảng Đông, Xã Quảng Châu, Xã Quảng Hợp, Xã Quảng Kim, Xã Quảng Liên, Xã Quảng Lưu, Xã Quảng Phương, Xã Quảng Phú, Xã Quảng Thạch, Xã Quảng Tiến
H. Bồ Trạch	20.281,88	TT. NT Việt Trung, Xã Hưng Trạch, Xã Lâm Trạch, Xã Liên Trạch, Xã Phú Định, Xã Phúc Trạch, Xã Sơn Trạch, Xã Tân Trạch, Xã Tây Trạch, Xã Thượng Trạch, Xã Xuân Trạch
H. Quảng Ninh	27.786,41	Xã An Ninh, Xã Hàm Ninh, Xã Hiền Ninh, Xã Trường Sơn, Xã Trường Xuân, Xã Vạn Ninh, Xã Vĩnh Ninh, Xã Xuân Ninh
H. Lệ Thủy	10.119,56	Xã Kim Thủy, Xã Lâm Thủy, Xã Ngân Thủy, Xã Phú Thủy, Xã Sơn Thủy, Xã Tân Thủy, Xã Văn Thủy
TX. Ba Đồn	408,06	Xã Quảng Minh, Xã Quảng Sơn
Tổng	106.399,62	

Nguồn: Kết quả công xếp bản đồ hiện trạng rừng năm 2010 và năm 2016

Suy thoái rừng được hiểu là hiện tượng suy giảm đo được, do con người gây ra làm suy giảm trữ lượng các-bon tại các vùng rừng trong một thời gian nhất định; hay nói cách khác suy thoái rừng là khi cấu trúc và chức năng của rừng bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực bên ngoài, ví dụ như: cháy rừng, khai thác chọn, khai thác củi và các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ, đào bới triệt hạ thực bì... Diện tích rừng bị suy thoái trong giai đoạn 2010 - 2016 của tỉnh Quảng Bình được thể hiện ở bảng 4.

Tổng diện tích rừng tự nhiên bị suy thoái trong giai đoạn 2010 - 2016 là 106.399,62 ha,

trong đó tập trung ở các huyện Quảng Ninh (27.786,41 ha), Tuyên Hóa (23.661,40 ha), Bố Trạch (20.281,88 ha), Minh Hóa (19.624,20 ha) và Lệ Thủy (10.119,56 ha) là những huyện bị suy thoái với mức trên 10.000 ha, đặc biệt ở các huyện Quảng Ninh, Tuyên Hóa và Bố Trạch diện tích bị suy thoái là trên 20.000 ha.

3.2. Nguyên nhân gây mất rừng, suy thoái rừng và những giải pháp trong việc nâng cao diện tích và chất lượng rừng của tỉnh

Quá trình phân tích dữ liệu và tham vấn các bên liên quan, các nguyên nhân dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng ở Quảng Bình được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Các nguyên nhân chính gây mất rừng và suy thoái rừng tỉnh Quảng Bình

TT	Các nguyên nhân	Mô tả khu vực
1	Chuyển đổi sang rừng trồng kinh tế (Keo)	Tại xã Hưng Trạch, Xuân Trạch (Bố Trạch), Quảng Phương (Quảng Trạch), Ngân Thủy (Lệ Thủy)
2	Chuyển và xâm lấn rừng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp với các loài cây trồng chính chủ yếu là Sắn, Ngô.	Huyện Bố Trạch, Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Minh Hóa
3	Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp sang xây dựng hồ thủy lợi, giao thông	Đường xuyên Á đi qua huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa, mở rộng đường 16 và xây dựng đường lên cửa khẩu Chút - ngút tại huyện Lệ Thủy.
4	Khai thác rừng trái phép và khai thác rừng theo kế hoạch của Nhà nước	Xã Kim Hóa, Lâm Hóa, Cao Quảng (Tuyên Hóa), Hóa Sơn, Hóa Hợp (Minh Hóa), Trường Sơn (Quảng Ninh)
5	Cháy rừng	Huyện Bố Trạch, Tuyên Hóa, Quảng Trạch, Minh Hóa

Nguồn: Kết quả tham vấn với các bên liên quan, 2016

- *Chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng trồng kinh tế:* Thời gian qua tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép để lấy đất trồng rừng (chủ yếu trồng Keo xuất khẩu làm nguyên liệu sản xuất giấy, ván nhân tạo) đã xảy ra ở nhiều địa phương trong tỉnh và tăng mạnh trong những năm gần đây, gây phức tạp trong công tác quản lý bảo vệ rừng; mất trật tự an ninh xã hội; khó khăn cho việc giao đất, giao rừng và thực hiện các chính sách, pháp luật bảo vệ rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp. Đặc biệt tại các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Tuyên Hóa và Minh Hóa. Số liệu phân tích ma trận cho thấy diện tích chuyển đổi từ rừng nghèo (2010) sang rừng trồng (2016) là 3.443,63 ha, chiếm 3,23% diện tích rừng bị mất trên địa bàn toàn tỉnh. Từ số liệu phân tích cho thấy, diện tích rừng tự nhiên chuyển sang rừng trồng kinh tế là khá lớn.

Việc mở rộng chuyển đổi này là do giá trị của rừng trồng kinh tế (trồng Keo) cao hơn hẳn so với cây trồng khác. Chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt theo quy hoạch sang rừng trồng kinh tế được thực hiện theo các chương trình dự án phát triển rừng. Bên cạnh việc chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng trồng kinh tế bằng hình thức cải tạo rừng, thì tình trạng xâm lấn rừng tự nhiên để trồng rừng kinh tế của người dân địa phương hiện là áp lực dẫn đến mất rừng tự nhiên, dưới áp lực của thị trường việc mở rộng rừng trồng kinh tế (Keo) từ chuyển đổi rừng tự nhiên hiện đang diễn ra. Vì vậy, trong thời gian tới nếu không quy hoạch và quản lý quy hoạch tốt trong phát triển rừng trồng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi rừng tự nhiên và quản lý hiệu quả thông qua hiệu lực thực thi pháp luật thì diện tích rừng tự nhiên hiện có và rừng tự nhiên đã giao cho hộ

gia đình có thể tiếp tục bị chuyển đổi sang rừng trồng kinh tế.

- *Chuyển và xâm lấn rừng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp*: Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất trước kia được giao cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng chủ yếu là những diện tích rừng nghèo, nghèo kiệt hoặc rừng mới phục hồi nên hầu như chưa có thu nhập từ rừng. Tuy nhiên, với quy định hiện nay người dân không nhận được hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất. Trong khi đó hiệu quả kinh tế từ các mô hình trồng cây công nghiệp, nông nghiệp (cam, sắn...) lại mang lại lợi nhuận cao, thị trường thuận lợi nên đã và đang trở thành áp lực đối với rừng tự nhiên. Kết quả khảo sát hiện trường cho thấy, nếu không có chính sách hỗ trợ cụ thể, phù hợp thì diện tích rừng tự nhiên được giao nhỏ lẻ đến hộ gia đình có thể sẽ bị xâm lấn cho mục tiêu sinh kế với các loài cây trồng có giá trị kinh tế hơn là chỉ thực hiện hoạt động bảo vệ rừng. Kết quả phân tích cho thấy trong giai đoạn 2010 - 2016 đã có 1.344,91 ha rừng tự nhiên bị xâm lấn để lấy đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

- *Ảnh hưởng của khai thác đến suy thoái rừng tự nhiên*: Kết quả nghiên cứu và tham vấn cho thấy có hai nguyên nhân chính dẫn đến suy thoái rừng đó là: Khai thác theo kế hoạch và khai thác trái phép. Trong đó, hiện nay khai thác rừng tự nhiên theo kế hoạch đã được dừng lại theo chủ trương đóng cửa rừng nên trong thời gian tới nguyên nhân dẫn đến suy thoái rừng tự nhiên tại tỉnh Quảng Bình chỉ còn nguyên nhân là do khai thác trái phép. Theo đánh giá của các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Bình, tình trạng khai thác, vận chuyển, buôn bán, chế biến lâm sản trái phép thời gian qua vẫn diễn ra với hình thức và mức độ khác nhau. Chỉ tính 11 tháng của năm 2015 các cơ quan chức năng đã phát hiện hơn 1.270 vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, thu giữ trên 1.390 m³ gỗ các loại, 02 ô tô, 93 xe gắn máy, 14 cửa xả xách tay, tổng số tiền thu nộp ngân sách Nhà nước gần 13 tỷ đồng (Nguồn: <https://www.quangbinh.gov.vn>). Gỗ khai thác trái phép chủ yếu được cung cấp cho các đầu nậu, bên cạnh đó nhu cầu sử dụng gỗ rừng tự nhiên trong sinh hoạt là tập quán của

đa số các hộ gia đình ở miền núi của tỉnh cũng là nguyên nhân khiến nhiều người dân địa phương vào rừng khai thác gỗ. Một phần là ý thức của người dân chưa tốt, thu nhập từ khai thác gỗ lậu cao, nhu cầu tiêu thụ gỗ từ rừng tự nhiên ngày càng lớn... Tuy nhiên, vấn đề này sẽ được giải quyết hoặc hạn chế đến mức thấp nhất nếu có sự vào cuộc tích cực hơn từ các bên liên quan, nhất là chủ rừng.

- *Ngoài các nguyên nhân gây mất rừng và suy thoái rừng chính được phân tích ở trên, còn một số nguyên nhân khác* được ghi nhận gây mất rừng và suy thoái rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, như: mất rừng do cháy rừng; mất rừng do quá trình đô thị hóa và mất rừng do thiên tai (mưa bão).

- *Một số nguyên nhân gián tiếp làm mất rừng và suy thoái rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*: (1) Công tác thực thi pháp luật lâm nghiệp kết quả còn nhiều hạn chế, mặc dù đã được các cấp, ngành quan tâm, đặc biệt là sự vào cuộc tích cực của lực lượng kiểm lâm. Tình trạng khai thác rừng trái phép, xâm lấn đất rừng vẫn diễn ra. Với nhu cầu sử dụng đất, phát triển kinh tế ngày càng cao nếu không có biện pháp ngăn chặn hiệu quả thì tình trạng khai thác trái phép và lấn chiếm rừng, đất rừng sẽ vẫn xảy ra một số nơi và có phần nghiêm trọng hơn bởi các đối tượng vận chuyển gỗ trái pháp luật sẽ sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi hơn; (2) Nhận thức của người dân và cộng đồng địa phương còn hạn chế: Các vi phạm xảy ra trong lĩnh vực BV&PTR phần lớn do những đối tượng có địa chỉ cư trú không rõ ràng gây ra, có trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành pháp luật còn hạn chế. Một số các đối tượng vi phạm có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định... Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về pháp luật BV&PTR; (3) Tổ chức bộ máy quản lý lâm nghiệp còn bất cập, nhiều việc còn chòng chẹo không được phân định rõ nên chưa rõ trách nhiệm của các bên trong QL BVR và (4) Các ban quản lý rừng và công ty lâm nghiệp chưa chủ động thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật, chưa quan tâm tìm biện pháp nhằm khai thác có hiệu quả

tiềm năng rừng, đất rừng được giao quản lý, để nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức, người lao động của đơn vị. Trong khi đó, chưa có chính sách hấp dẫn thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào bảo vệ, phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên.

3.3. Giải pháp quản lý, bảo vệ rừng và nâng cao diện tích, chất lượng rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

- Giải pháp quản lý bảo vệ rừng:

+ Nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ rừng (kiểm lâm, các chủ rừng và tổ đội bảo vệ rừng của xã), hỗ trợ đầu tư trang phục, trang thiết bị cho lực lượng bảo vệ rừng. Giải pháp này để khắc phục nguyên nhân năng lực và nghiệp vụ của một bộ phận lực lượng bảo vệ rừng còn thấp;

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi chủ rừng, mỗi người dân và toàn xã hội trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

+ Tăng cường giải pháp thực hiện tốt quy chế phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng tại cấp cơ sở;

+ Tiếp tục kiểm tra, rà soát, thống kê, phân loại để xác định diện tích các loại đất lâm nghiệp bị lấn chiếm có nguồn gốc do phá rừng và lập hồ sơ xử lý để giải quyết dứt điểm, không để phát sinh mới. Xây dựng các phương án, kế hoạch cưỡng chế giải tỏa; diện tích đất sau cưỡng chế giao lại cho đơn vị chủ rừng trồng rừng, phục hồi lại rừng.

- Giải pháp cải thiện sinh kế hộ gia đình, cá nhân:

+ Hoàn thiện các quy hoạch lâm nghiệp như quy hoạch kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch 3 loại rừng. Công khai minh bạch các quy hoạch này để người dân tích cực và thực hiện đúng, từ đó người dân vừa bảo vệ rừng đồng thời phát triển kinh tế của chính họ;

+ Hỗ trợ giao đất gắn với giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng để các hộ gia đình cá nhân yên tâm bảo vệ phát triển rừng;

+ Hỗ trợ cụ thể hóa chính sách hưởng lợi từ rừng tự nhiên đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng;

+ Nâng cao năng lực quản lý rừng và đất lâm nghiệp được giao cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng;

+ Hỗ trợ kinh phí quản lý bảo vệ rừng giải pháp này để khắc phục tình trạng các hộ sống gần rừng có tỷ lệ nghèo cao và thiếu đất sản xuất;

+ Tăng năng suất cây trồng và đa dạng hóa các sản phẩm từ trang trại nông lâm kết hợp nhằm cải thiện kinh tế hộ, đây là một giải pháp bảo vệ phát triển rừng bền vững;

+ Có các chính sách rõ ràng, cụ thể để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào bảo vệ, phát triển rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên.

- Các giải pháp để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên:

+ Tăng cường các biện pháp làm giàu rừng bằng các loài cây bản địa;

+ Phát triển lâm sản ngoài gỗ;

+ Cần có những chính sách hưởng lợi từ rừng tự nhiên hợp lý để tạo được động lực cho chủ rừng tham gia bảo vệ rừng, đặc biệt là diện tích rừng tự nhiên được giao là rừng nghèo, nghèo kiệt và phục hồi.

- Các giải pháp để phát triển rừng trồng:

+ Xây dựng vườn ươm cây giống đảm bảo chất lượng nhằm khắc phục tình trạng năng suất và chất lượng rừng trồng thấp;

+ Áp dụng trồng rừng thâm canh khắc phục tình trạng trồng rừng quảng canh, tự phát;

+ Tạo điều kiện, ưu đãi về vốn, lãi vay trong phát triển rừng trồng để người trồng rừng dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn vay;

+ Xây dựng chuỗi liên kết đầu tư - sản xuất - tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế.

IV. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2010 - 2016, tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp giảm 23.271,82 ha; trong đó đất có rừng giảm 26.443,77 ha, đất chưa có rừng quy hoạch lâm nghiệp tăng 3.171,95 ha. Diện tích rừng của Quảng Bình bị mất là 85.461,02 ha và phân bố ở tất cả các xã có rừng. Huyện Bố Trạch và huyện Lệ Thủy là hai huyện có diện tích rừng bị mất lớn nhất. Diện tích rừng tự nhiên bị suy thoái trong giai

đoạn 2010 - 2016 là 106.399,62 ha, trong đó tập trung ở các huyện Quảng Ninh (27.786,41 ha), Tuyên Hóa (23.661,40 ha), Bố Trạch (20.281,88 ha), Minh Hóa (19.624,20 ha) và Lệ Thủy (10.119,56 ha).

Các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng chính của tỉnh Quảng Bình bao gồm: chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt sang rừng trồng kinh tế; chuyển và xâm lấn rừng tự nhiên cho sản xuất nông nghiệp; ảnh hưởng của khai thác đến suy thoái rừng tự nhiên. Ngoài các nguyên nhân gây mất rừng và suy thoái rừng chính được phân tích ở trên, còn một số nguyên nhân khác được ghi nhận gây mất rừng và suy thoái rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, như: mất rừng do cháy rừng; mất rừng do quá trình đô thị hóa và mất rừng do thiên tai (mưa bão).

Các giải pháp được đề xuất nhằm quản lý bảo vệ rừng, nâng cao diện tích và chất lượng rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình bao gồm: các giải pháp quản lý bảo vệ rừng; giải pháp cải thiện sinh kế hộ gia đình, cá nhân; các giải

pháp để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và các giải pháp để phát triển rừng trồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lã Nguyên Khang, Trần Quang Bảo (2014). Phân tích đặc điểm và nguyên nhân diễn biến tài nguyên rừng tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 1995 - 2014. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*.

2. Lã Nguyên Khang (2015). *Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp thực hiện Chương trình REDD+ tại tỉnh Điện Biên*. Luận án Tiến sĩ Lâm nghiệp, Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Trần Quang Bảo, Lã Nguyên Khang, Bùi Thế Đồi, Lê Sỹ Doanh, Nguyễn Văn Thị, Nguyễn Quang Huy, Vũ Thị Kim Oanh, Nguyễn Thanh Phương, Lê Sỹ Hòa, Nguyễn Quốc Hiệu (2017). *Phân tích không gian trong lập kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

4. UBND tỉnh Quảng Bình (2016). Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 25/04/2016 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch hành động "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng (REDD+) tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016 - 2020.

5. UBND tỉnh Quảng Bình (2016). Quyết định số 3723/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê rừng tỉnh Quảng Bình.

ANALYSIS OF FOREST RESOURCES CHANGES FOR THE PERIOD 2010 - 2016, PROPOSING SOLUTIONS TO IMPROVE AREA AND QUALITY OF FORESTS IN QUANG BINH PROVINCE

Ninh Thi Hien¹, La Nguyen Khang²
^{1,2}Vietnam National University of Forestry

SUMMARY

This paper presents results on the characteristics of changes and drivers of deforestation, forest degradation and solutions to improve the quality and area of forest in Quang Binh province. The study results showed that, in the period of 2010 - 2016 area of deforestation was 85461.02 ha, but total area of reforestation and plantation forest was more 58000 ha. Thus, forest area in the period of 2010 - 2016 decreased more 25000 ha. The study also identified the causes of deforestation, forest degradation and main solutions to improve area and quality of forests in Quang Binh province. The causes of deforestation and forest degradation include: conversion of natural poor forest into economic plantations (Acacia plant, rubber); conversion and invasiveness of natural forest into agricultural and other land with main plants such as cassava, corn. Conversion of forest and forestry land to irrigation and transportation. Illegal logging and forest exploitation as planned by the State; Forest fires; Burning shifting cultivation; Urbanization and Disaster. The solutions include: Forest management and protection; Improve household and individual livelihoods; Improving the quality of natural forests; Development of economic plantation; Implementation of sustainable forest management.

Keywords: Deforestation and forest degradation, forest resources evolution.

Ngày nhận bài : 06/9/2017

Ngày phản biện : 25/5/2018

Ngày quyết định đăng : 04/6/2018